

Số: *411* /QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày *21* tháng *10* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giao điều hành hoạt động Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHPY, ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Sư phạm Tiếng Anh (mã số 7140231)** trình độ đại học hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số *AM* /QĐ-ĐHPY ngày *21* tháng *10* năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: SƯ PHẠM TIẾNG ANH
(English Teacher Education)

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH
(English Teacher Education)

Mã số: 7140231.

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN

Khoa quản lý: KHOA NGOẠI NGỮ

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng - Hiệu quả - Sáng tạo - Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình của ngành đào tạo: Chất lượng - Hiệu quả - Hội nhập.* Chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh nhằm đào tạo Cử nhân đại học có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có đầy đủ phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, để thực hiện công tác giáo dục và dạy học bộ môn Tiếng Anh bậc trung học phổ thông, đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình cung cấp kiến thức về hệ thống ngôn ngữ Tiếng Anh, các kỹ năng ngôn ngữ; về văn hóa, văn học của các nước nói Tiếng Anh có so sánh đối chiếu với văn hóa, văn học Việt Nam;

- Chương trình trang bị kiến thức về lý luận dạy học, các phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện đại phù hợp với bậc học trung học phổ thông; kỹ năng sử dụng và khai thác các tiện ích của công nghệ thông tin để phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, và thực hiện nghề nghiệp trong tương lai;

- Chương trình trang bị những kỹ năng mềm như: kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lên kế hoạch, kỹ năng tư duy phản biện và các kỹ năng khác.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn phù hợp với ngành đào tạo sư phạm Tiếng Anh trung học phổ thông.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về hệ thống ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh đạt chuẩn tương đương trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PO3: Có kiến thức khoa học sư phạm: cơ sở lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; giáo dục học sinh và quản lý giáo dục.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO4: Đạt trình độ về năng lực Tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PO5: Kết hợp linh hoạt và chính xác nhiều kỹ năng phục vụ công tác giảng dạy: lên kế hoạch bài giảng, thực hiện bài giảng, quản lý các hoạt động học tập, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

- PO6: Tích hợp hoạt động dạy học với hoạt động giáo dục học sinh, quản lý giáo dục.

- PO7: Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về công nghệ, tài liệu, và phương tiện dạy học để phục vụ công tác giảng dạy.

2.2.3. Về thái độ

- PO8: Thể hiện đạo đức, lối sống chuẩn mực của nhà giáo, ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực tự học, tự nghiên cứu.

- PO9: Tôn trọng các giá trị văn hóa, văn học, lịch sử của các quốc gia .

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động và sáng tạo vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng về chuyên ngành đào tạo, có sáng kiến tích hợp trong quá trình thực hiện công việc giảng dạy Tiếng Anh.

- Định hướng, lập kế hoạch hoạt động chuyên môn thích nghi với nhiều môi trường làm việc; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Giáo viên Tiếng Anh ở các cơ sở giáo dục và trung tâm có giảng dạy Tiếng Anh.

- Làm việc ở các tổ chức, cơ sở có sử dụng Tiếng Anh.

- Tự tạo việc làm có sử dụng Tiếng Anh.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Học ở các trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và các chuyên ngành gần.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO: (theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 7 năm 2021).

3.2. Về kiến thức

- PLO1. Hiểu biết kiến thức cơ bản về khoa học xã hội để nghiên cứu và dạy học môn Tiếng Anh trong chương trình giáo dục phổ thông.

- PLO2. Vận dụng kiến thức về hệ thống ngôn ngữ Tiếng Anh và văn hóa của các nước nói Tiếng Anh vào việc giảng dạy Tiếng Anh.

- PLO3. Phân tích kiến thức khoa học sư phạm để dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bộ môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực.

- PLO4. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục và phối hợp với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

3.3. Về kỹ năng

- PLO5. Đạt trình độ về năng lực Tiếng Anh bậc 5/6 và tiếng Pháp bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- PLO6. Phối hợp nhiều kỹ năng sư phạm để thực hiện hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh.
- PLO7. Thực hiện chính xác việc lựa chọn nội dung, phương pháp khi lập kế hoạch giáo dục và dạy học Tiếng Anh.
- PLO8. Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp trong hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.
- PLO9. Khai thác hiệu quả các nguồn về công nghệ thông tin, tài liệu, và phương tiện dạy học để thực hiện hoạt động chuyên môn.

3.4. Về thái độ

- PLO10. Nghiêm túc thực hiện các qui định về phong cách, đạo đức theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.
- PLO11. Tôn trọng và nhận định đúng giá trị ngôn ngữ -văn hóa của mỗi quốc gia.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chủ động, tự tin và sáng tạo trong công tác giáo dục và dạy học Tiếng Anh trong các điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau.

Lập kế hoạch giảng dạy, kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập, và giáo dục học sinh theo đúng định hướng của ngành.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	x	x	x	x		x					
PO2		x	x		x	x	x				x
PO3			x	x		x	x	x	x		
PO4	x	x				x	x	x	x		
PO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
PO6			x	x		x	x	x	x		
PO7	x	x	x		x	x					
PO8			x	x		x	x	x	x	x	x
PO9		x			x		x			x	x

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 125 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Khối giáo dục đại cương (<i>chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh</i>)	30	28	2
2	Khối giáo dục chuyên nghiệp	95	75	20
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	53	40	13

2.2	Kiến thức chuyên ngành	27	27	0
2.3	Thực tập sư phạm, thực tế	8	8	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	0	7
Tổng cộng		125	103	22

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x	x		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x		
	Khối kiến thức chuyên ngành	x	x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x	x	x
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế			x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x		x	
	Thi nghiệp vụ/Thực hành nghề nghiệp		x	x	x
	Căn cứ vào các hoạt động Đoàn khoa, Đoàn trường theo năm học, bao gồm: - Câu lạc bộ Tiếng Anh định kỳ - Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh - Lễ hội Halloween - Rung chuông vàng - Sinh viên thanh lịch - Chiến dịch mùa hè xanh - Hoạt động từ thiện, ...	x	x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1		x		x
	PLO2	x	x	x	x
	PLO3	x	x	x	x
	PLO4		x		x
	PLO5	x			x
	PLO6		x	x	x
	PLO7		x		x
	PLO8	x	x	x	x
	PLO9	x	x	x	x
	PLO10				x
	PLO11				x

7. Phương pháp dạy học

- Liệt kê các phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP tham luận, PP seminar, PP giải quyết vấn đề, PP thảo luận, PP học nhóm, Thực tập-thực tế, PP tự học....

- Bảng 7.1. Mối liên hệ giữa CDR (PLOs) và phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PP thuyết trình	x	x	x		x	x		x	x		
PP tham luận	x		x			x					
PP seminar/thảo luận		x	x	x		x					
PP giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x			
PP nghiên cứu tình huống			x	x	x	x		x		x	x
PP nghiên cứu khoa học (viết tiểu luận/bài tập lớn)	x	x	x			x					
PP học nhóm+tự học	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
Thực tập-thực tế			x	x		x	x	x		x	x

8. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình theo dõi ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo được chia thành 2 nhóm chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

8.1. Đánh giá theo tiến trình: Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình,.....

8.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ: Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: Kiểm tra viết, Kiểm tra trắc nghiệm, Thi vấn đáp, Báo cáo, Thuyết trình, Đánh giá làm việc nhóm,.....

Bảng 8.1. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với Chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Đánh giá tiến trình										
1	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
4	x	x	x			x	x			x	x
II	Đánh giá tổng kết/định kỳ										
4	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
5		x	x		x	x	x	x			
6		x	x		x	x	x	x			
7			x	x		x					
8	x	x	x	x	x	x					
9	x	x	x	x	x	x			x	x	x

9. Nội dung chương trình

Bảng 9.1: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT		
9.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		30	294	106	70	0	
9.1.1	Lý luận chính trị		11	114	51	0	0	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	4
9.1.2	Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật		8	75	15	30	0	
	- Bắt buộc:		6	60	15	0	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	1
7	SP110752	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	1
8	SP110442	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ		2	15	0	30	0	
9	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
10	NT120922	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh	2	15	0	30	0	
9.1.3	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
11	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
12	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	11
13	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	12
9.1.4	Khoa học công nghệ		3	25	0	40	0	
14	KC100053	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	25	0	40	0	
9.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
15	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
16	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	15
17	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	16
18	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	17
9.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh						0	
19	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
9.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		95	880	595	160+ 360 giờ	0	
9.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		53	530	255	0	0	
9.2.1.1	Kiến thức Hệ thống ngôn ngữ		12	120	60	0	0	
	-Bắt buộc:		10	100	50	0	0	
20	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
21	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	
22	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	21
23	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	20
24	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	22

	-Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ		2	20	10	0	0	
25	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	22
26	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	22
9.2.1.2	Kiến thức Văn hóa-Văn học		6	60	30	0	0	
	-Tự chọn: chọn 6/12 tín chỉ		6	60	30	0	0	
27	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	
28	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0	
29	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0	
30	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0	
31	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
32	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0	
9.2.1.3	Kiến thức Kỹ năng và Thực hành tiếng		35	350	165	0	0	
33	NG113693	Nghe1	3	30	15	0	0	
34	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0	
35	NG113713	Đọc 1	3	30	15	0	0	
36	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0	
37	NG113733	Nghe 2	3	30	15	0	0	33
38	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	34
39	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	35
40	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	36
41	NG113333	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	3	30	10	10	0	37,38 39,40
42	NG113343	Tiếng Anh Tổng hợp C1.2	3	30	10	10	0	41
	Tự chọn: chọn 5/10 tín chỉ		5	50	25	0	0	
43	NG111122	Kỹ năng giao tiếp	2	20	10	0	0	
44	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	
45	NG11118 3	Phân tích diễn ngôn	3	30	15	0	0	22
46	NG113553	Kỹ năng Biên phiên dịch	3	30	15	0	0	22
9.2.2	Kiến thức chuyên ngành:		27	285	50	140	0	
47	SP110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
48	SP110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	30	0	0	0	47
49	SP110333	Giáo dục học đại cương	3	45	0	0	0	47
50	SP110102	Giao tiếp sư phạm	2	25	5	0	0	47
51	SP110732	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	49
52	SP110342	Đánh giá trong giáo dục	2	30	0	0	0	48,49
53	SP121071	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	1
54	NG120101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	53
55	NG120111	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	54
56	NG120121	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	55
57	NG114152	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
58	NG114153	Dạy học Hệ thống ngôn ngữ & Quản lý lớp học	3	30	10	10	0	57
59	NG114163	Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ & Quản lý lớp học	3	30	10	10	0	58
60	NG114172	Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh	2	20	10	0	0	59
9.2.3	Thực tế, Thực tập sư phạm tốt nghiệp		8	0	0	360	0	giờ

61	NG114091	Tham quan thực tế	1	0	0	45 giờ	0	
62	DT100012	Thực tập sư phạm 1 (4 tuần)	2	0	0	90 giờ	0	
63	DT100025	Thực tập sư phạm 2 (7 tuần)	5	0	0	225 giờ	0	
9.2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7				0	
<i>9.2.4.1</i>	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		<i>7</i>				<i>0</i>	
<i>9.2.4.2</i>	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		<i>7</i>	<i>65</i>	<i>35</i>	<i>20</i>	<i>0</i>	
	- Tự chọn: chọn 7/14 tín chỉ		7	65	35	20	0	
64	NG11420 3	Kỹ năng duy trì và tương tác lớp học	3	30	15	0	0	
65	NG111143	Ngôn ngữ và văn hóa	3	30	15	0	0	
66	NG114262	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1	2	15	10	10	0	
67	NG114212	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh	2	15	10	10	0	
68	NG114272	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2	2	15	10	10	0	
69	NG114222	Lựa chọn và phát triển giáo trình Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			125	1174	701	230 + 360 giờ	0	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

Bảng 9.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.
R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế
M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.
A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
HP 1	I			R						R	R
HP 2	I			R						R	R
HP 3	I			R						R	R
HP 4	I										
HP 5	I	R			R						
HP 6	I		R	M		R	R				
HP 7	I		R	M		R	R				
HP 8	I			R		R		R	R	R	R
HP 9	I	R			R				R		
HP 10	R	R			R						R
HP 11		R			M						M

HP 12		R			M							M
HP 13		R			M							M
HP 14	I					R						
HP 15												Có chuẩn chung của nhà trường cho các CTĐT
HP 16												
HP 17												
HP 18												
HP 19												
HP 20	I	M			M		M					M
HP 21	I	M			M		M					M
HP 22	I	M			M		M					M
HP 23	I	M			M		M					M
HP 24	I	M			M		M					M
HP 25	R	M			M		M					M
HP 26	R	M			M		M					M
HP 27	R	M			M		M					M
HP 28	R	M			M		M					M
HP 29	R	M			M		M					M
HP 30	I	R			M		R					M
HP 31	I	R			M		R					M
HP 32	I	R			M		R					M
HP 33	I	R			M		R					M
HP 34	I	R			M		R					M
HP 35	I	R			M		R					M
HP 36	R	M			M	M	M				M	M
HP 37	R	M			M	M	M				M	M
HP 38	R	M			M	M	M				M	M
HP 39	R	M			M	M	M				M	M
HP 40	R	M			M	M	M				M	M
HP 41	R	M			M	M	M				M	M
HP 42	R	M			M	M	M				M	M
HP 43	R	M			M	M	M				M	M
HP 44	R	M			M	M	M				M	M
HP 45	R	M			M	M	M				M	M
HP 46	R	M			M	M	M				M	M
HP 47	R	M			M	M	M				M	M
HP 48	R	M			M	M	M				M	M
HP 49	R	M			M	M	M				R	M
HP 50	R	M			M	M	M				M	M
HP 51	R	M			M	M	M				M	M
HP 52	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 53	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 54	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 55	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 56	I		R	R		M		M	M	M	M	M
HP 57	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 58	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 59	M		M	M		M	M	M	M	M	M	M

HP 60	M	M			M						A
HP 61	R	M			M					M	M
HP 62	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 63	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 64	I	R	R	R	R	R	R	M	M	M	M
HP 65	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 66	R		R		R	R		M	M	M	M
HP 67	R		R		R	R		M	M	M	M
HP 68	R		R		R	R		M	M	M	M
HP 69	R	R	R	R	R	R	R	M	M	M	M

10. Kế hoạch giảng dạy

10.1. Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	0	0	
2	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
3	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
4	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
5	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	
6	NG113693	Nghe 1	3	30	15	0	0	
7	NG113713	Độc 1	3	30	15	0	0	
Tổng cộng			16	160	80	0	0	

10.2. Học kỳ II: 18 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	0	0	
2	KC100053	Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản	3	25	0	40	0	
3	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	
4	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	
5	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0	
6	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0	
7	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
8	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			18	180	70	40	0	

10.3. Học kỳ III: 20 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	
2	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	

3	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	
4	NG113733	Nghe 2	3	30	15	0	0	
5	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	
6	SP110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
7	SP100333	Giáo dục học đại cương	3	45	0	0	0	
8	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
9	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
10	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			20	200	70	60	0	

10.4. Học kỳ IV: 15 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	
2	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	
3	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	
4	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	
5	NG114152	Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
6	SP110102	Giao tiếp sư phạm	2	25	5	0	0	
7	NG120101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
8	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
9	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			15	147	63	30	0	

10.5. Học kỳ V: 15 TC (11TC:Bắt buộc; 4 TC: tự chọn)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	
2	SP110752	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
3	NG114153	Đạy học Hệ thống ngôn ngữ & Quản lý lớp học	3	30	10	10	0	
4	NG120111	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
5	NG113333	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	3	30	10	10	0	
6	NG111122	Kỹ năng giao tiếp	2	20	10	0	0	Chọn
7	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	2/4TC
8	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	Chọn

9	NT120922	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh	2	15	0	30	0	2/4TC
Tổng cộng			15	147	38	70	0	

10.6. Học kỳ VI: 14 TC (Bắt buộc: 12 TC; tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	80	30	50+135	0	
1	NG111052	Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ & Quản lý lớp học	3	30	10	10	0	
2	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	
3	NG113343	Tiếng Anh Tổng hợp C1.2	3	30	10	10	0	
4	NG120121	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
5	DT100012	Thực tập sư phạm 1	2	0	0	90	0	4 tuần
6	NG114131	Tham quan thực tế	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
- Tự chọn:			2	20	20	0	0	
7	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
8	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			14	100	50	50+135	0	

10.7. Học kỳ VII: 15 TC (Bắt buộc: 6 TC; tự chọn: 9TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			6	80	10	0	0	
1	SP110732	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
2	SP110342	Đánh giá trong giáo dục	2	30	0	0	0	
3	NG114172	Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
- Tự chọn:			9	90	45	0	0	
4	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
5	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0	
6	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
7	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0	
8	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
9	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	
10	NG111183	Phân tích diễn ngôn	3	30	15	0	0	Chọn 3/6TC
11	NG113553	Kỹ năng Biên phiên dịch	3	30	15	0	0	
Tổng cộng			15	170	55	0	0	

10.8. Học kỳ VIII: 12 TC (bắt buộc: 5 TC; tự chọn: 7 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100025	Thực tập sư phạm 2	5	0	0	225 giờ	0	7 tuần
2	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế		7					
	Khóa luận tốt nghiệp		7					
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7					
	- Tự chọn:		7	60	35	20	0	
3	NG114203	Kỹ năng duy trì và tương tác lớp học	3	30	15	0	0	Chọn
4	NG111143	Ngôn ngữ và văn hóa	3	30	15	0	0	3/6TC
5	NG114262	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1	2	15	10	10	0	Chọn 2/4TC
6	NG114212	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh	2	15	10	10	0	
7	NG114272	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2	2	15	10	10	0	Chọn 2/4TC
8	NG114222	Lựa chọn và phát triển giáo trình Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			12	60	35	20 +225 giờ	0	

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**11.1. Triết học Mác-Lênin****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Triết học Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Học phần góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.6. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần giáo dục học.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những lý luận cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học (NCKH) giáo dục; các quan điểm trong NCKH giáo dục; hệ thống các phương pháp MCKH và cách thức vận dụng chúng trong quá trình KCKH giáo dục; logic tiến hành một công trình NCKH giáo dục.

11.8. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Lý luận chung về hoạt động trải nghiệm: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trung học phổ thông liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học phổ thông.

11.9. Tiếng Việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận ...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

11.10. Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về cách làm đồ dùng dạy học và đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau, khuyến khích khai thác các chất liệu thân thiện với môi trường. Hướng dẫn thực hành làm cụ thể một số đồ dùng dạy học, một số kiểu mẫu, mô hình, bưu thiếp, tặng vật thủ công... phục vụ cho việc dạy học và đánh giá bộ môn Tiếng Anh.

11.11. Tiếng Pháp 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ bậc 2. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v. Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

11.12. Tiếng Pháp 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ bậc 2. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải trí, sở thích, những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,...). Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

11.13. Tiếng Pháp 3**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ bậc 3. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.

11.14. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp: Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề cơ bản về an toàn thông tin khi làm việc với máy tính; Cách sử dụng máy tính: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng máy in; Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử; Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, bài thuyết trình trình bày phần mềm Microsoft Powerpoint; Xử lý bảng tính bằng phần mềm Microsoft Excel.

11.15. Giáo dục thể chất 1**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tổ chức thể lực.

11.16. Giáo dục thể chất 2**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

11.17. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)**1 TC****a. Cầu lông 1****1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

b. Bóng chuyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

c. Bóng đá 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

d. Bóng bàn 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

e. Võ Cổ truyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

11.18. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

a. Cầu lông 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

b. Bóng chuyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

c. Bóng đá 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

d. Bóng bàn 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

e. Võ Cổ truyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

11.19. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

11.20. Luyện âm**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc –ed endings, và –s /-es endings; trọng âm từ (word stress), trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.

11.21. Ngữ pháp 1**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức nền về Ngữ pháp tiếng Anh, góp phần rèn luyện kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng theo các chủ điểm: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe,...; giúp sinh viên có thể sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tiếp tục học học phần Ngữ pháp 2.

11.22. Ngữ pháp 2**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 1

Học phần tiếp tục tích hợp kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp nâng cao với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh Use of English.

11.23. Ngữ âm-Âm vị học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Luyện âm

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh; Mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm (stress), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation) và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.

11.24. Ngữ nghĩa học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần làm rõ nét và phân biệt hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, hai phân ngành có sự liên hệ mật thiết với nhau thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh.

11.25. Cú pháp học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng

trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.

11.26. Từ vựng học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần từ vựng học cung cấp kiến thức căn bản về từ vựng học tiếng Anh gồm: đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của môn học; Cấu trúc từ vựng và cách thành lập; Các loại nghĩa của từ; Nghĩa cú; Lịch sử hình thành và phát triển của từ vựng và tính đa dạng của chúng.

11.27. Đất nước học Anh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.

11.28. Đất nước học Mỹ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v.

11.29. Văn học Anh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

11.30. Văn học Mỹ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

11.31. Văn hóa của các nước nói tiếng Anh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v.

Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.

11.32. Giao thoa văn hóa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.

11.33. Nghe 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kỹ thuật nghe cơ bản để nhận diện và giải mã âm thông qua các hoạt động nghe trên lớp; cách nhận biết và vận dụng lượng từ vựng Tiếng Anh thông dụng hàng ngày và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; thông tin về những phong tục, tập quán và văn hóa của người Anh ở các vùng miền; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ở trình độ bậc 3.

11.34. Nói 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói ở mức độ phát triển kỹ năng nói ở trình độ bậc 3, như miêu tả tranh, thảo luận nhóm – cặp, chứng minh, diễn thuyết, phân tích. Sinh viên có thể tạo ra được những bài phát biểu mới với lượng từ vựng nhất định; có thể trao đổi và đưa ý kiến của mình về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

11.35. Đọc 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm xây dựng, phát triển vốn từ theo chủ điểm, theo sự đa nghĩa của từ, theo các thành ngữ, thuật ngữ; giúp sinh viên nhận biết, hình thành và vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật đọc như: đoán nội dung bài khóa, đoán được từ mới dựa vào ngữ cảnh hoặc kiến thức nền, tìm được đại ý của bài khóa, nhận diện bố cục bài, nhận diện các luận chứng, chứng cứ trong bài; phát triển kỹ năng đọc hiểu ở trình độ bậc 3.

11.36. Viết 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng viết ở các thể loại mang tính thực tiễn như Email to friends, Invitations and RSVPs, Thank- you Letters, Postcards...; hướng dẫn người học cách thức trao đổi thông tin phục vụ cho cuộc sống thường nhật: Making Polite Enquiries, Giving Instructions, Writing to Confirm Arrangements,... hay cách sử dụng linh hoạt văn phong trang trọng đáp ứng yêu cầu các công việc mang tính hành chính như Writing an Article or Essay, Writing Formal Notes and Notices, Applying for a Job: Your CV. Cuối học phần sinh viên đạt kỹ năng viết ở trình độ bậc 3.

11.37. Nghe 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghe 1

Học phần cung cấp kỹ thuật để nhận diện và giải mã âm; phát triển các kỹ năng nghe cơ bản: nghe sơ bộ, nghe để xử lý thông tin chi tiết; giúp sinh viên nhận biết và vận dụng ngôn ngữ (formal và informal) trong các chủ đề công việc và giải trí; cho SV tiếp cận đa dạng các giọng nói, các hoạt động nghe trên lớp; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp; Cuối học phần sinh viên đạt kỹ năng nghe hiểu ở trình độ bậc 4

11.38. Nói 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Nói 1

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói; giúp sinh viên nắm bắt cách

diễn đạt các chức năng ngôn ngữ cụ thể như cách trao đổi thông tin, đàm phán, ngắt lời một người khác đang nói, cách thuyết phục, thể hiện sự quan tâm; cách thể hiện sự tức giận, thể hiện sự hoài nghi, sự háo hức, sự tự tin và do dự ... Từ đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự nhiên, chuẩn xác và lưu loát. Đồng thời giúp sinh viên quan sát tranh, ảnh và tưởng tượng về các tình huống xảy ra trong cuộc sống xung quanh. Nêu những suy nghĩ và suy đoán của mình và cùng nhau thảo luận về các tình huống đó. Cuối học phần sinh viên đạt kỹ năng nói ở trình độ bậc 4.

11.39. Đọc 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Đọc 1

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên cách thức và phương pháp đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc; giúp sinh viên hiểu các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó; vận dụng được một lượng lớn từ vựng để phục vụ quá trình đọc, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ. Cuối học phần sinh viên đạt kỹ năng đọc hiểu ở trình độ bậc 4.

11.40. Viết 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Viết 1

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kỹ năng viết ở các chủ đề mang tính thực tiễn trong cuộc sống, rèn luyện cho người học các loại văn phong ở các thể loại khác nhau gồm: cách giao tiếp qua các dạng thư tín (formal, semi-formal and informal), cách sử dụng linh hoạt các loại văn phong khác nhau đáp ứng yêu cầu từng công việc cụ thể (writing a reference, writing an opinion piece, writing a report, writing a review, writing a story, writing a letter of complaint, writing a speech...), cách lựa chọn ngôn ngữ viết phù hợp với các đối tượng khác nhau. Cuối học phần sinh viên đạt kỹ năng viết ở trình độ bậc 4.

11.41. Tiếng Anh Tổng hợp C1.1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghe, nói, đọc, viết 2

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu và tích hợp về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở cấp độ 5/6. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.

11.42. Tiếng Anh Tổng hợp C1.2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp C1.1

Học phần tiếp tục cung cấp kiến thức chuyên sâu và tổng hợp về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển đồng đều bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở cấp độ 5/6. Học phần tiếp tục trang bị các thể loại bài đọc hiểu dài, khó hơn; Viết các chủ đề phức tạp với nhiều dạng tổ chức văn bản, sử dụng đa dạng loại hình ngôn ngữ; Nghe và diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả về các lĩnh vực xã hội, học thuật và chuyên môn. SV có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày logic. Có thể diễn đạt trôi chảy và chính xác, phân biệt, nhận định

nghĩa hàm ý trong các tình huống phức tạp. Cuối học phần sinh viên đạt năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 5.

11.43. Kỹ năng giao tiếp

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm giúp sinh viên sử dụng và phát huy năng lực ngôn ngữ của mình để giao tiếp hiệu quả ở các trường hợp cụ thể trong môi trường giao tiếp đa phương tiện hiện đại. Sinh viên được làm quen với các yêu cầu và thể thức của mỗi loại hình giao tiếp và rèn luyện các kỹ năng cụ thể để có thể giao tiếp thành công trong môi trường nghề nghiệp.

11.44. Kỹ năng Thuyết trình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần phát triển kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, hướng dẫn các bước chuẩn bị và thực hiện một bài thuyết trình có hiệu quả. Học phần giúp nâng cao nhận thức của sinh viên về các yếu tố mang đến sự thành công cho việc trình bày trên lớp học, hội thảo và hội nghị như nội dung trình bày, dàn ý, sử dụng thời gian và các phương tiện nghe nhìn, khả năng tương tác với khán giả.

11.45. Phân tích diễn ngôn

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp SV phân tích các yếu tố ngôn ngữ của diễn ngôn như cohesion, information structure, given/new information, theme & rheme, genre. PTĐN còn giúp SV phân tích diễn ngôn qua mối quan hệ giữa người nói và người nghe, giữa người viết và người đọc trong quá trình họ xây dựng và diễn giải diễn ngôn của người kia, giải mã điều thực sự người nói muốn nói chứ không phải nghĩa đen của câu chữ người nói sử dụng (coherence), mối liên kết của tất cả các yếu tố trong một diễn ngôn qua cách dùng các đại từ, liên từ (cohesion), giải mã ý nghĩa lời nói qua mối quan hệ phức tạp giữa những người tham gia trong các ngữ cảnh khác nhau (speech events), qua các cách thức đối thoại như chờ đợi, cắt ngang (conversational interaction). SV sẽ được hiểu rõ hơn về nguyên tắc hợp tác (the co-operative principle), cách thức hình thành diễn ngôn (bottom-up or top-down processing, interactive processing) trong một đối thoại, sử dụng nền tảng kiến thức của mình (background knowledge) để hiểu diễn ngôn của người kia. PTĐN còn giúp SV miêu tả và giải thích quy trình tạo dựng và diễn giải các trao đổi trong một hội thoại (conversational analysis), quá trình thương thuyết giữa các người nói để hiểu rõ hơn diễn ngôn (negotiation of meaning), yếu tố văn hóa tác động đến diễn ngôn giữa 2 người đến từ hai nguồn văn hóa khác nhau (intercultural communication).

11.46. Kỹ năng Biên phiên dịch

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cơ sở lý thuyết và một số kỹ thuật về biên phiên dịch, một kỹ năng quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ, góp phần rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng. Ngoài ra, học phần giúp người học làm quen với phương pháp phê bình và đánh giá bản dịch nhằm giúp nâng cao chất lượng bản dịch và trau dồi kỹ năng dịch của người học, nhằm giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng làm tiền đề hoặc hỗ trợ cho nghề nghiệp sau khi ra trường.

11.47. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Nội dung học phân bao gồm: Tâm lí học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

11.48. Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương.

Học phần trang bị các nội dung bao gồm: Nhập môn tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lí học sinh; Tâm lí học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Tâm lí học dạy học trung học phổ thông; Tâm lí học giáo dục học sinh trung học phổ thông; Tâm lí học nhân cách người giáo viên trung học phổ thông.

11.49. Giáo dục học đại cương

3TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như : Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

11.50. Giao tiếp sư phạm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sư phạm; hiểu được 2 và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.

11.51. Quản lí nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: TLH đại cương, GDH đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về quản lí nhà trường: Tổng quan về quản lí và lãnh đạo nhà trường phổ thông; Mô hình lý thuyết về quản lí dựa vào nhà trường phổ thông; Phát triển chương trình nhà trường phổ thông theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lí đội ngũ giáo viên phổ thông; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lí nhà trường phổ thông của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lí chất lượng giáo dục phổ thông; Quản lí nguồn nhân lực trong nhà trường phổ thông; Quản lí tài chính trường phổ thông theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường phổ thông trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường phổ thông; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lí nhà trường phổ thông.

11.52. Đánh giá trong giáo dục

2TC

Điều kiện tiên quyết: GDH đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm.

Học phần giới thiệu một số kiến thức chung và kỹ năng cơ bản về đánh giá trong giáo dục. Cụ thể: Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá hoạt động học tập; các công cụ kiểm tra đánh giá; nội dung và phân loại phương pháp đánh giá kết quả học tập; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.

11.53. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

- Thực hành rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch, biện pháp tự hoàn thiện những phẩm chất, năng lực của bản thân; Vận dụng kiến thức tâm lý học và giáo dục học để giải quyết một số tình huống xảy ra trong thực tiễn giáo dục; Rèn luyện phong cách văn hóa - sư phạm trong Nhà trường phổ thông (tác phong, ngôn ngữ, giao tiếp); Tìm hiểu về trường phổ thông (mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ của Nhà trường với hệ thống quản lý giáo dục và với cộng đồng; kinh nghiệm về quản lý và giáo dục học sinh của người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm; Kỹ năng cơ bản trong học tập và dạy học (cách lập kế hoạch học tập, cách đọc sách, cách sử dụng công nghệ thông tin để khai thác kiến thức).

11.54. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

Học phần trang bị kiến thức sự phân bổ chương trình, kế hoạch dạy học môn Tiếng Anh ở cấp học trung học phổ thông; tìm hiểu nội dung, hình thức sách giáo khoa và các tài liệu học tập môn Tiếng Anh dành cho các khối lớp 10, 11, 12;

Học phần trang bị kỹ thuật vận hành một số hoạt động Warm-up cho các bài học về hệ thống ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ.

11.55. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

Học phần nêu sự cần thiết của việc sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ học Tiếng Anh ở bậc THPT; nêu rõ các kỹ thuật sử dụng Tiếng Anh trên lớp để học sinh dễ hiểu; trang bị các kỹ thuật duy trì và thúc đẩy động cơ học tập thông qua các hoạt động tương tác giữa thầy và trò; học phần cho sinh viên cơ hội giảng tập minh họa các bài học về hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm. Học phần rèn luyện các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả.

11.56. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 4**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

Học phần minh họa các kỹ thuật, thao tác vận dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trên lớp; minh họa các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả; cho sinh viên cơ hội thiết kế giáo án và giảng tập các thể loại bài dạy kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh; củng cố các kỹ thuật feedback, qui trình feedback hiệu quả. Học phần tiếp tục rèn luyện các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả.

11.57. Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp luận giảng dạy tiếng nước ngoài nói chung và Tiếng Anh nói riêng; giới thiệu các khái niệm về những phương pháp dạy học ngoại ngữ từ những phương pháp truyền thống cho đến những phương pháp giao tiếp hiện đại, phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học; hướng dẫn SV cảm thụ được một số kiểu nhận thức ngôn ngữ và những yếu tố tác động đến quá trình nhận thức ngôn ngữ; trang bị một số kiến thức về vai trò và nhiệm vụ của người dạy và người học nhằm giúp SV có thể tiếp tục học các học phần về kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh ở các học kỳ tiếp theo.

11.58. Dạy học Hệ thống ngôn ngữ và Quản lý lớp học**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy từ vựng, ngữ pháp, ngữ

âm; giới thiệu các mẫu giáo án cho các thể loại bài dạy từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm; triển khai hoạt động tập giảng các thể loại bài học về hệ thống ngôn ngữ, có vận dụng bộ sách giáo Tiếng Anh 10,11,12.

11.59. Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ và Quản lý lớp học **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dạy học Hệ thống ngôn ngữ và Quản lý lớp học

Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học các kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy chuyên sâu các kỹ năng và tích hợp các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; giới thiệu các mẫu giáo án thể loại bài dạy kỹ năng ngôn ngữ; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết; triển khai hoạt động tập giảng các thể loại bài học về kỹ năng ngôn ngữ, có vận dụng bộ sách giáo Tiếng Anh 10,11,12.

11.60. Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dạy học Hệ thống ngôn ngữ và Quản lý lớp học

Học phần giới thiệu thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT ban hành vào 20 tháng 7 năm 2021. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản trong đánh giá: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, mục đích đánh giá, yêu cầu đánh giá. Qua đó định hướng cho hoạt động kiểm tra đánh giá vào bộ môn Tiếng Anh bậc THPT. Học phần cung cấp các kỹ thuật đánh giá thường xuyên, các tiêu chí thiết kế bài kiểm tra định kì có tích hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ. Sau khi hoàn thành học phần, người học có kỹ năng thiết kế các loại hình kiểm tra thường xuyên và định kì để phục vụ hoạt động giảng dạy.

11.61. Tham quan thực tế **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

a. Tại Việt Nam

Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: Gặp gỡ và giao lưu với giảng viên và sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học lớn, các cơ sở, trung tâm giảng dạy Tiếng Anh uy tín khác nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử, những danh lam, thắng cảnh, văn hóa vùng miền để mở rộng thêm kiến thức về lịch sử, đời sống văn hóa các địa phương. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho việc giảng dạy Tiếng Anh khi ra trường.

b. Tại một trường đại học ở nước ngoài

Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài (có ký kết hợp tác đào tạo với Trường ĐH Phú Yên) với các nội dung: học tập và trao đổi các chuyên đề về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và sinh hoạt giao lưu văn hóa với sinh viên các nước nhằm trao đổi văn hóa, kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.

Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc khi ra trường.

Kinh phí: Theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

11.62. Thực tập sư phạm 1 (4 tuần) **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: RLNVSPTX 3

- Thực tập sư phạm 1 bao gồm các nội dung:

+Tìm hiểu thực tế nhà trường trung học phổ thông; các quan điểm giáo dục

+Tìm hiểu học sinh, các hoạt động giáo dục cơ bản của nhà trường, công tác giáo viên chủ nhiệm lớp

+Làm quen với công tác giảng dạy Tiếng Anh theo hướng tiếp cận năng lực người học; làm quen với các hoạt động ngoại khóa, đoàn thể tại trường trung học phổ thông.

11.63. Thực tập sư phạm 2 (7 tuần)

5 TC

Điều kiện tiên quyết: RLNVSPTX 4

- Thực tập sư phạm 2 bao gồm các nội dung:
- + Tìm hiểu tình hình địa phương, nhà trường thực tập.
- + Thực tập giảng dạy.
- + Thực tập công tác giáo dục.
- + Làm bài tập nghiên cứu khoa học.

11.61. Kỹ năng duy trì & tương tác lớp học (Input and Interaction)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các yêu cầu và thể thức của mỗi loại hình giao tiếp và rèn luyện các kỹ năng cụ thể để có thể giao tiếp thành công trong môi trường nghề nghiệp; học phần cung cấp những kỹ thuật duy trì và nâng cao tương tác giữa giáo viên và học sinh trong môi trường lớp học, phát huy cho sinh viên kỹ năng duy trì và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.

11.65. Ngôn ngữ và Văn hóa

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và khái niệm cơ bản về văn hóa và ngôn ngữ và mối quan hệ giữa hai hệ thống này. Các khái niệm và kiến thức này nhằm để dẫn nhập các đặc trưng về các mối quan hệ cùng các yếu tố chi phối ý thức về bản sắc dân tộc và văn hóa, sự khác biệt trong ý thức nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các tiểu vùng văn hóa hay quốc gia.

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể hiểu được các bình diện của văn hóa, ngôn ngữ như ý thức cộng đồng, tín hiệu với tư cách là một đơn vị ngôn ngữ và xã hội, các khác biệt về hành xử văn hóa và ngôn ngữ, cũng như cách nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các nhóm văn hóa.

11.66. Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nêu ra những khó khăn và thách thức khi dạy học sinh tiểu học một ngôn ngữ mới; làm nổi bật các đặc điểm và khả năng của học sinh khi học một ngôn ngữ mới; trang bị kiến thức cơ bản để nhận định, so sánh cách học sinh tiểu học học ngôn ngữ 1 và ngôn ngữ 2; cung cấp các điều kiện cần thiết để hỗ trợ học sinh tiểu học học tốt ngoại ngữ; Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về lý luận cũng như một số phương pháp giảng dạy từ vựng, kết hợp giảng dạy từ vựng với cấu trúc ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe nói thông qua các thể loại bài dạy từ sách giáo khoa.

11.67. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các phương pháp và công cụ để khai thác hiệu quả các phần mềm, các trang web phục vụ giảng dạy ngoại ngữ, quản lý học liệu, và quản lý quá trình dạy học (bài giảng, bài tập ở nhà của người học), giúp sinh viên sử dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ.

11.68. Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1

Học phần cung cấp một số lý luận dạy học Tiếng Anh về các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết cho học sinh tiểu học; trang bị một số phương pháp dạy học và kỹ thuật phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng nghe và nói thông qua các thể loại bài học như: bài hội thoại, bài đọc hiểu, kể chuyện; giới thiệu qui trình

các bước cơ bản để soạn và trình bày một giáo án cho các thể loại bài học phát triển các kỹ năng ngôn ngữ; kiến thức và kỹ thuật quản lý một tiết dạy-học thành công; trang bị các kỹ thuật sử dụng hiệu quả Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ dạy học Tiếng Anh.

11.69. Lựa chọn và phát triển giáo trình Tiếng Anh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu một số sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng giảng dạy ở cấp THPT trong và ngoài nước; trang bị cho sinh viên một số phương pháp cũng như các tiêu chí hướng dẫn để phân tích và đánh giá từng loại sách giáo khoa và giáo trình theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học; cung cấp một vài mô hình cơ bản để thiết kế và phát triển giáo trình sao cho hiệu quả, phù hợp với đối tượng người học và tình hình địa phương.

11.70. Khóa luận tốt nghiệp

7 TC

Điều kiện tiên quyết: sinh viên có kết quả điểm học tập (điểm tích lũy) từ HK1 đến HK6 đạt loại khá trở lên (theo qui định của nhà trường).

- Sinh viên chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp theo đúng chuyên ngành đào tạo: Giảng dạy Tiếng Anh Trung học phổ thông;

- Sinh viên sẽ được Khoa phân công giảng viên hướng dẫn và viết đề tài trong khoảng thời gian qui định của nhà trường;

- Sinh viên được miễn học 7 TC (tương ứng 3 HP thay thế khóa luận tốt nghiệp) như đã nêu trong chương trình.

12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

12.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	Triết học	Triết học Mác - Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2007	CNXHKH	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Chủ tịch Hội đồng Trường	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng Phòng Hành chính-Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	- Pháp luật đại cương
7	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng Khoa Khoa KHXH & NV	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học so sánh	- Tiếng Việt thực hành
8	Lê Thị Kim Anh, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
9	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GVC, 2020	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1
10	Nguyễn Quốc Trâm, 1983, Giảng viên	GVC, 2020	Ths, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2
11	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3
12	Nguyễn Minh Cường, Trưởng khoa Khoa GDTC&GDQP	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 4
13	Trưởng Sĩ quan Thông tin				Giáo dục quốc phòng – an ninh
14	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & GDH	- Tâm lý học đại cương - Tâm lý học lứa tuổi sư phạm

					- Rèn luyện NVSP thường xuyên 1
15	Nguyễn Hoài Uyên, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	GDH	Kĩ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
16	Châu Thị Hồng Nhựt, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2010	GDH	Giáo dục học đại cương
17	Lê Bạt Sơn, 1968, Phó Trưởng Khoa Sư phạm	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	QLGD	- Quản lý nhà trường - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
18	Huỳnh Thị Xuân Hòa, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	Ths, Việt Nam, 2014	QLGD	Đánh giá trong giáo dục
19	Tôn Nữ Cẩm Hường, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2015	Tâm lý học & GDH	Giao tiếp sư phạm
20	Phan Thị Lan, 1971, Trưởng Bộ môn Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh
21	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ				Tham quan thực tế
22	Hoàng Lưu Bảo, 1971, Giám đốc Thư viện	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	- Ngữ nghĩa học - Tiếng Anh tổng hợp C1.1
23	Châu Văn Đôn, 1967, Phó Trưởng Khoa PT- Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2009	TS, Việt Nam, 2020	LL&PPGD Tiếng Anh	-Dạy học KNNN&QLLH -Kiểm tra & Đánh giá trong dạy học TA
24	Nguyễn Thị Hạnh, 1970, P.Trưởng Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	PPGD Tiếng Pháp	Tiếng Pháp 1, 2, 3
25	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	LL&PPGD Tiếng Anh	- Dạy học HTNH&QLLH - RLNVSP TX 3,4
26	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh Chuyên ngành	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	- Nói 1, 2 - Ngữ âm - Âm vị học
27	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	- Viết 1, 2
28	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	- Ngữ pháp 1 - Kỹ năng Biên phiên dịch
29	Lê Thị Anh Phương, 1958, Giảng viên	GVC, 2006	TS, Úc, 2008	Education (TESOL)	- Văn học Mỹ -Lựa chọn và phát triển giáo trình Tiếng Anh

30	Phạm Như Quỳnh, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	LL&PPGD Tiếng Anh	-Văn hóa các nước nói TA - Từ vựng học
31	Hoàng Liên Hương, 1990, Giảng viên	GV	Ths, Úc, 2015	LL&PPGD Tiếng Anh	- Đọc 1 -Ngữ pháp 2
32	Trần Lê Anh Thư, 1993, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ Anh	- Nghe 1, 2 - Luyện âm
33	Nguyễn Như Ý, 1988, Viên chức Phòng Tổ chức cán bộ	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	- Đọc 2 - Đất nước học Anh

12.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Đặng Ngọc Hiếu, 1956, nguyên Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	GV	Ths, Úc, 1998	Education (TEFL)	-Phân tích diễn ngôn -Văn học Anh
2	Hà Văn Sinh, 1957, nguyên Giảng viên Trường Đại học Phú Yên	GV	TS, Úc, 2003	Education (Language Teacher Education)	-Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1,2 -Kĩ năng duy trì và tương tác lớp học
3	Trần Văn Phước, 1955, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	PGS, 2006 GVCC	TS, Úc, 2001	Linguistics	- Cú pháp học - Giao thoa văn hóa
4	Tôn Nữ Phương Thảo, 1964, nguyên Trưởng Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phú Yên	GVC	Ths, Úc, 2003	Education (TESOL)	- Văn hóa các nước nói Tiếng Anh - Ngôn ngữ và văn hóa
5	Dương Thị Lệ Thủy, 1967, nguyên Giảng viên Trường Đại học Phú Yên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	LL&PPGD Tiếng Anh	-Lý luận và PPGDTA -RLNVSPXTX 2
6	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, nguyên Giảng viên Trường Đại học Phú Yên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	-Tiếng Anh tổng hợp C1.2

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

13.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

- Các phòng học có diện tích, trang bị bảng đen viết phấn, bàn ghế và ánh sáng đúng qui chuẩn đại học.
- Các phòng học có trang bị các các phương tiện dạy học: quạt trần, máy chiếu, màn hình, Tivi, loa, micro, wifi.
- 1 phòng đặc thù (language laboratory) để rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ bằng Tiếng Anh.
- 1 phòng đặc thù để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và dạy học các học phần thực hành phương pháp giảng dạy Tiếng Anh.
- 2 phòng máy tính để dạy học các học phần Tin học đại cương, Ứng dụng CNTT trong dạy học Tiếng Anh.

13.2. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m², trong đó diện tích phòng đọc: 512 m².
- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 46.
- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.
- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.

13.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Giáo trình Pháp luật Đại cương	Bộ GD&ĐT	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2012	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
8	Giáo trình hoa trang trí	Nguyễn Thị Diệu Thảo	Đại học Sư phạm	2007	2	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh
9	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học	Trương Xuân Cảnh	Giáo dục	2017	2	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

	sinh					
10	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán – Nguyễn Quang Ninh	Đại học sư phạm	2003	1	Tiếng Việt thực hành
11	Le Nouveau Taxi! 1,2	Guy Capelle et Robert Menand	Hachette Livre, Paris	2009	1	Tiếng Pháp 1, 2, 3
12	Giáo trình tin học đại cương Tin học Văn phòng Microsoft Office	- Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM - Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến	- Lao động – Xã hội - Thời Đại	2012 2014	1	-Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
13	Giáo trình Thẻ dực	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004	1	Thẻ dực
14	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004	1	Điền kinh
15	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004	1	Cầu lông 1,2
16	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	1	Bóng chuyền 1,2
17	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003	1	Bóng đá 1,2
18	Tâm lý học	Nguyễn Quang Uân	Giáo dục	2004	1	Tâm lý học đại cương
19	Giáo trình Tâm lí học	Bùi Văn Huệ	Đại học sư phạm	2008	1	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm
20	Giáo dục học	Vũ Thị Qui	Giáo dục	2006	1	Giáo dục học đại cương
21	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiến – Nguyễn Vũ Bích Hiến	Đại học Sư phạm	2015	1	Quản lí nhà trường
22	Giao tiếp sư phạm	Huỳnh Văn Sơn	Đại học Sư phạm	2017	1	Giao tiếp sư phạm
23	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Nguyễn Công Khanh	NXB Đại học sư phạm Hà Nội.	2014	1	Đánh giá trong giáo dục
24	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2007	2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
25	Motivating Learning	Janes Boylan	British Council Publisher	2009	2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2, 3,4
26	Work on your accent (Clearer pronunciation for better	Collins	TH Tp. HCM	2013	1	Luyện âm

	communication)					
27	English Phonetics and Phonology	Hồng Ái Nga	ĐH Phú Yên	2011	1	Ngữ âm-Âm vị học
28	Destination B2 – Grammar and Vocabulary	Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles	Macmillan	2012	1	Ngữ pháp 1, 2
29	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh -English Semantics	Tô Minh Thanh	ĐH KHXHNV Tp HCM	2010	1	Ngữ nghĩa học
30	An introduction to modern English lexicology	Đoàn Minh	Hà Nội	2001	2	Từ vựng học
31	An Outline of Syntax	Nguyễn Hòa Lạc	TPHCM	1995	1	Cú pháp học
32	Intercultural Business Communication	Gibson, R.	New York: Oxford.	2002	3	Giao thoa văn hóa
33	English-Speaking Countries' Cultures, Internal Circular	Ton Nu Phuong Thao	Lưu hành nội bộ	2015	2	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
34	Britain-The Country and Its People: An Introduction for Learners of English	James O'Driscoll	Oxford University Press	1997	1	Đất nước học Anh
35	The American Ways. An Introduction to American Culture	Datesman, Leslie K.; Crandall, JoAnn & Kearny Edward N.	New Jersey: Prentice Hall Regents	1997	2	Đất nước học Mỹ
36	British Literature	Gloria M.H & S. Waller & D. Bill	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	1	Văn học Anh
37	American Literature	The U.S. Department of State	Global Publishing Solutions	2012	1	Văn học Mỹ
38	Tactics for Listening -Developing-Third Edition.	Jack C. Richards	OUP	2010	2	Nghe 1
39	Tactics for Listening –Expanding-Third Edition	Jack C. Richards	OUP	2010	2	Nghe 2
40	SPEAK NOW 2-Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012	2	Nói 1
41	SPEAK NOW 3- Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012	2	Nói 2
42	Active Skill for Reading 1	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013	2	Đọc 1
43		Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013	2	Đọc 2

	Active Skill for Reading 2					
44	Paragraph Writing – From Sentence to Paragraph	Dorothy E Zemach & Carlos Islam	MacMillan	2007	2	Viết 1
45	Academic Writing from Paragraph to essay	Dorothy E Zemach & Lisa A	Dong Nai	2006	1	Viết 2
46	Life Advanced Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen Stephenson	Cengage Learning	2016	1	Tiếng Anh Tổng hợp C1-1,2
47	Introducing Discourse Analysis	David Nunan	Penguin English	1993	1	Phân tích diễn ngôn
48	Approaches to Translation	Peter Newmark	Fergamon Institute of English, Oxford.	1981	1	Kỹ năng Biên phiên dịch
49	Communication Skills	Richard Worth	Ferguson Publishing Company	2004	2	Kỹ năng giao tiếp
50	Presenting in English, How To Give Successful Presentations	Powell, M	Thomson Heinle	2002	2	Kỹ năng thuyết trình
51	Language and Culture	Claire Kramersch	OUP	2003	1	Ngôn ngữ và Văn hóa
52	Introducing Classroom Interaction	Amy B. M. Tsui	Penguin English	1995	1	Kỹ năng duy trì & tương tác lớp học
53	Teaching and Learning in the Language Classroom	Tricia Hedge	OUP	2000	1	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
54	Teaching and Learning in the Language Classroom	Tricia Hedge	OUP	2000	1	Dạy học Hệ thống ngôn ngữ & Quản lý lớp học
55	Learning Teaching- A guidebook for English Language Teacher	Jim Scrivener	Macmillan	2011	2	Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ & Quản lý lớp học
56	Testing for Language Teachers	Arthur Hughes	CUP	2003	1	Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh
57	- Motivating Learning -Tài liệu của Hội đồng Anh	Janes Boylan	British Council Publisher	2014	2	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1,2
58	Language and Culture	Claire Kramersch	OUP	2003	1	Ngôn ngữ và Văn hóa

13.4. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	1997	10	Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016	10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006	10	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016	10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2012	5	Pháp luật đại cương
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Minh Hoàng, Chu Trọng Tuấn	Giáo dục Hà Nội	2007	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
8	Giáo trình hoa trang trí	Nguyễn Thị Diệu Thảo	ĐHSP	2007	5	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh
9	Cẩm nang kỹ thuật soạn thảo văn bản	Hoàng Giang	Lao động xã hội	2008	5	Tiếng Việt thực hành
10	Campus 1	Jacky Girardet & Jacques Téchœur	CLE International, Paris	2006	3	Tiếng Pháp 1, 2, 3
11	Giáo trình lý thuyết và thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải và Nguyễn Đình Tê	LĐ-XH	2006	5	-Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
12	Giáo trình thể dục	Vũ Thanh Sơn	Đại học Sư Phạm.	2003	3	Thể dục
13	Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại	Nguyễn Hạc Thúy	TĐTT	2001	5	Cầu lông 1, 2
14	Luật Bóng bàn		Liên Đoàn Bóng bàn Việt Nam	2006	5	Bóng bàn 1, 2
15	Bước đầu tìm hiểu Võ học Việt Nam		TĐTT Hà Nội	2006	1	Võ cổ truyền Việt Nam 1, 2
16	Luật Điền kinh		TĐTT	1997	2	Điền kinh

17	Luật bóng đá		TĐTT	2007	2	Bóng đá 1, 2
18	Tài liệu của Học viện kỹ thuật quân sự				1	Giáo dục quốc phòng
19	Tâm lý học	Nguyễn Quang Uẩn, Trần Trọng Thủy	Đại học Sư phạm	2004	1	Tâm lý học đại cương
20	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1990	1	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư
21	Giáo dục học	Đặng Vũ Hoạt,	ĐHSP Hà Nội	2008	1	Giáo dục học đại cương
22	Quản lý nhà trường	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo	Giáo dục Việt Nam	2011	1	Quản lý Nhà trường
23	Phong cách sư phạm	Vũ Duy Yên	Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	1	Giao tiếp sư phạm
24	https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-trung-hoc/Pages/default.aspx?ItemID=6273	GV cập nhật				Đánh giá trong giáo dục
25	Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Lao động xã hội	2015	1	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
26	Giao tiếp sư phạm	Hoàng Anh, Nguyễn Kim Thanh	Hà Nội	1995	1	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1
27	Methodology in Language Teaching	Jack C. Richards and Willy A. Renandya	CUP	2002	1	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2, 3,4
28	Ship or Sheep, 3 rd Edition	Ann Baker	CUP	2007	1	Luyện âm
29	English Phonetics and Phonology	Peter Roach	CUP	1991	1	Ngữ âm-Âm vị học
30	Grammar for FCE – Self-study Grammar Reference and Practice,	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	1	Ngữ pháp 1
31	Grammar for IELTS – Self-study Grammar Reference and Practice	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	1	Ngữ pháp 2
32	Life Advanced Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen	Cengage Learning	2016	1	Tiếng Anh Tổng hợp C1-1,2

		Stephenson				
33	Discourse Analysis, Varieties and Methods,	Jason Glynos, David Howarth, Aletta Norval, Ewen Speed	University of Essex	2009	1	Phân tích diễn ngôn
34	About Translation	Peter Newmark	Centre for Translation and Language Studies, University of Surrey	1991	1	Kỹ năng Biên phiên dịch
35	Handbook on Communication Skills	Richard Worth	Ferguson Publishing Company	2004	1	Kỹ năng giao tiếp
36	Deliver better presentations, student learning development	https://le.ac.uk/	University of Leicester	1989	2	Kỹ năng thuyết trình
37	Semantics	Pragmatics James R. Hurford	CUP	2007	1	Ngữ nghĩa học
38	Basic English Lexicology	ĐHSP NNHN	Lưu hành nội bộ	1999	1	Từ vựng học
39	English Syntax, A Grammar for English Language Professionals	Jacobs, Roderick A.	OUP	1995	1	Cú pháp học
40	Language, Culture and Society.	Christine Jourdan and Kevin Tuite	CUP	2006	1	Giao thoa văn hóa
41	Understanding Intercultural Communication	Ting-Toomey, S., & Chung, L.C.	Los Angeles: Roxbury Publishing Company	2005	1	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
42	Britain in Close-Up	McDowall, David	Pearson Education Ltd	2002	1	Đất nước học Anh
43	American Ways. A Guide for Foreigners in the United States	Althen, Gary.	Intercultural Press	2003	1	Đất nước học Mỹ
44	A History of English Literature	Alexandre, M	Palgrave Foundations, NY.	2000	1	Văn học Anh
45	Literature and Ourselves,	Gloria M.H., Waller, S. & Bill, D.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	1	Văn học Mỹ

46	Collins English For Life-Listening B1+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp TPHCM	2013	1	Nghe 1
47	Collins English For Life-Listening B2+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp TPHCM	2013	1	Nghe 2
48	Experts in Language Assessment, UCLES.	University of Cambridge ESOL Examinations	CUP	2008	2	Nói 1
49	Speaking B2 – Upper Intermediate, Collins English for life.	Nicola Prentis	Tổng hợp TPHCM	2014	2	Nói 2
50	Reading B1	Anna Osborn	Tổng hợp TPHCM	2012	1	Đọc 1
51	Reading B2	Anna Osborn	Tổng hợp TPHCM	2013	1	Đọc 2
52	Writing (B1+ Intermediate)	Kirsten Campbell-Howes & Clare Dignall	Tổng hợp TPHCM	2013	1	Viết 1
53	Writing (B2+ Upper Intermediate)	Genevieve White	Tổng hợp TPHCM	2014	1	Viết 2
54	Methodology in Language Teaching	Jack C. Richards and Willy A. Renandya.,	CUP	2002	2	Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
55	Methodology in Language Teaching	Jack C. Richards and Willy A. Renandya.,	CUP	2002	2	Dạy học Hệ thống ngôn ngữ & Quản lý lớp học
56	Methodology in Language Teaching	Jack C. Richards and Willy A. Renandya.,	CUP	2002	2	Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ & Quản lý lớp học
57	Fundamental Considerations in Language Testing	Lyle F. Bachman	OUP	1997	1	Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh
58	Teaching Young Language Learners	Annamaria Pinter	OUP	2009	2	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học 1, 2
59	Context and Culture in Language Teaching	Claire Kramersch	OUP	2004	1	Ngôn ngữ và Văn hóa
60	Teaching Practice Handbook	Roger Gower et al	UK: Heinemann	1995	1	Kỹ năng duy trì & tương tác lớp học
61	Materials Development in Language Teaching	Brion Tomlinson	CUP	1998	1	Lựa chọn & Phát triển giáo trình Tiếng Anh
62	Using PowerPoint for ESL Teaching. The Internet TESL Journal (9) 4. Retrieved on August 2 nd , 2008	Dudeny, G. and Hockly, N.	Pearson Longman	2007	1	Ứng dụng CNTT trong GDĐT

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh.

14.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

a) Giảng viên

- Mỗi giảng viên giảng dạy các học phần Thực hành kỹ năng ngôn ngữ, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm không quá 25-35 sinh viên/nhóm.
- Thứ tự giảng dạy các học phần cần thực hiện theo đúng trình tự như đã phân phối trong chương trình.
- Lựa chọn giáo trình và học liệu giảng dạy phù hợp để đảm bảo cho người học đạt được những chuẩn kiến thức nhất định ở từng giai đoạn.
- Vận dụng đa dạng các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đạt được mục tiêu đào tạo.
- Hướng dẫn người học tự học, phát huy tối đa năng lực, tính chủ động và sáng tạo của người học; kết hợp khai thác tối đa các tiện ích của công nghệ thông tin, Internet nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.
- Linh hoạt thay đổi hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong bất kỳ điều kiện hoặc tình hình khó khăn nào.
- Tăng cường tổ chức hoạt động ngoại khoá, tham quan, thực tế để người học có cơ hội trải nghiệm và sử dụng linh hoạt Tiếng Anh.

b) Sinh viên:

- Tích cực học tập, tham dự các tiết học lý thuyết, chuẩn bị bài thực hành đầy đủ.
 - Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập và tham gia các hoạt động ngoại khoá của khoa, trường.
 - Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà Trường
- ##### 14.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên
- Định hướng sinh viên năng lực tự chủ và trách nhiệm theo Chuẩn đầu ra của CTĐT.
 - Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.
 - Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập giáo dục, giảng dạy Tiếng Anh tại các trường phổ thông.
 - Định hướng cho sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học cấp khoa, trường.

14.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Phòng học, phòng thực hành: Phòng học các môn kỹ năng tiếng, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm phải được trang bị Projector, máy vi tính có kết nối Internet và loa.
- Thư viện, học liệu: cung cấp đủ tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo chính cho từng học phần.

PTP PT. PHÒNG ĐÀO TẠO


TS. Lê Thị Kim Loan

PHÓ TRƯỞNG KHOA PT.


TS. Châu Văn Đôn

